

BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 TRƯỚC XU HƯỚNG QUỐC TẾ THỪA NHẬN XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NGUYỄN TIẾN VINH *

Tóm tắt: Bài viết khái quát, đánh giá xu hướng quốc tế thừa nhận vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và nhìn nhận các quy định mới của Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 trước xu hướng này, từ đó đưa ra những nhận định, đề xuất về nhu cầu chi tiết, cụ thể hoá các điều khoản liên quan của Bộ luật dân sự trong thời gian tới.

Từ khoá: Bộ luật dân sự năm 2015; xu hướng quốc tế; lĩnh vực sở hữu trí tuệ; xung đột pháp luật.

Nhận bài: 21/12/2016

Hoàn thành biên tập: 31/8/2017

Duyệt đăng: 12/9/2017

THE 2015 CIVIL CODE AND THE INTERNATIONAL TENDENCY TO RECOGNISE CONFLICT OF LAWS IN INTELLECTUAL PROPERTY

Abstract: The paper summarises and assesses the international tendency to recognise conflict of laws in intellectual property, and reviews the new related provisions of the 2015 Civil Code in the context of the above mentioned tendency. On that basis, the paper offers comments and suggestions on the need to specify the related provisions of the Civil Code in the coming time.

Keywords: The 2015 Civil Code; international tendency; intellectual property; conflict of laws.

Received: Dec 21st, 2016; Editing completed: Aug 31st, 2017; Accepted for publication: Sep 12th, 2017.

Sở hữu trí tuệ, bao gồm chủ yếu hai lĩnh vực là quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, từ lâu vốn được biết đến và thừa nhận là có tính lãnh thổ tuyệt đối. Quan niệm truyền thống này là nguyên nhân dẫn đến việc không nhìn nhận vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Trong bối cảnh tự do hoá thương mại được đẩy mạnh, sự xuất hiện và bùng nổ của mạng internet, các giao dịch, tranh chấp về sở hữu trí tuệ xuyên biên giới (có yếu tố nước ngoài) cũng ngày càng trở nên phổ biến. Nhu cầu điều chỉnh các quan hệ, tranh chấp này đã dẫn đến sự thay đổi trong nhận thức, luật

thực định và thực tiễn xét xử của nhiều nước trong vài thập kỉ gần đây. Xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã được thừa nhận, nhìn nhận phổ biến trong học thuyết và luật thực định của các nước.

Tại Việt Nam, Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 đã bắt nhịp với xu hướng quốc tế này.⁽¹⁾ Phần thứ năm của Bộ luật về pháp luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đã có hai điều khoản hoàn toàn mới, chuyên biệt về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là Điều 679 và điểm c khoản 2 Điều 683.

* Giảng viên, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội
E-mail: vinhnt.vnu@gmail.com

(1). Luật số 91/2015/QH13 được Quốc hội Khoá XIII, kì họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

1. Xu hướng quốc tế thừa nhận xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

1.1. Sự phát triển của học thuyết về vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Một cách truyền thống, sở hữu trí tuệ luôn được coi là lĩnh vực có tính lãnh thổ tuyệt đối. Những đặc quyền được thừa nhận, được bảo hộ đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được hình thành trên cơ sở pháp luật của nước nào thì chỉ có giá trị trong phạm vi lãnh thổ nước đó. Các quy định pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của quốc gia được xây dựng với hiệu lực áp dụng giới hạn trong biên giới lãnh thổ của quốc gia. Tính chất lãnh thổ được nhìn nhận như yếu tố loại bỏ hiện tượng xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Nhà lập pháp quốc gia chỉ nhìn nhận vấn đề sở hữu trí tuệ trong phạm vi lãnh thổ nước mình. Tương tự, toà án quốc gia sẽ chỉ áp dụng pháp luật nước mình để xem xét sự xác lập, hiệu lực, phạm vi của quyền sở hữu trí tuệ, loại bỏ khả năng áp dụng pháp luật của nước ngoài trong xem xét các vấn đề này.⁽²⁾

Rất đơn lẻ, từ cuối thế kỉ XIX đã có một vài tác giả đề xuất nhìn nhận vấn đề sở hữu trí tuệ trong không gian quốc tế, thiết lập những nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng và thẩm quyền xét xử đối với những giao dịch về sở hữu trí tuệ xuyên biên giới.⁽³⁾

Nhìn tổng thể, cho đến những năm cuối của thế kỉ XX, các công trình nghiên cứu về xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế hầu như không đề cập vấn đề sở hữu trí tuệ.

Từ những năm cuối của thế kỉ XX, xuất phát từ nhu cầu điều chỉnh những giao dịch, tranh chấp về sở hữu trí tuệ có tính xuyên biên giới, các vấn đề thuộc tư pháp quốc tế nói chung và xung đột pháp luật nói riêng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã bắt đầu thu hút được sự chú ý quốc tế trên diện rộng. Sự thay đổi quan trọng này được thúc đẩy bởi hai nhân tố quan trọng. Thứ nhất, sự ra đời và phổ biến của mạng internet đã làm cho việc phổ biến và đồng thời khai thác một đối tượng quyền sở hữu trí tuệ từ nhiều quốc gia trở nên phổ biến; các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trở nên dễ dàng và thường mang tính quốc tế; nguyên tắc hay tính chất lãnh thổ tuyệt đối đã không còn thích hợp, thậm chí là rào cản trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong không gian toàn cầu. Thứ hai, cùng với quá trình tự do hoá thương mại được thúc đẩy mạnh mẽ ở cả tầm khu vực và toàn cầu, việc khai thác các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ trở thành một lĩnh vực thương mại bên cạnh các lĩnh vực thương mại hữu hình truyền thống khác. Sự ra đời của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) với một hiệp định riêng biệt về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (Hiệp định TRIPS) là minh chứng rõ nét nhất cho nhận định này.

Trong bối cảnh nêu trên, những sáng kiến đa phương hay của từng quốc gia về

(2). Xem thêm: Jürgen Basedow, *Foundations of Private International Law in Intellectual Property*, nguồn: http://www.law.kyushu-u.ac.jp/~tomeika/chi-zai/symposium/paper/001_08May09_Basedow.pdf, truy cập ngày 01/12/2016.

(3). Marketa Trimble, "Advancing national intellectual property policies in a transnational context", *Mariland*

Law review, Vol.74, 2015, pp. 207 - 208.

việc nhìn nhận lĩnh vực sở hữu trí tuệ từ góc độ tư pháp quốc tế bắt đầu xuất hiện ngày càng phổ biến.⁽⁴⁾ Đầu tiên, có thể kể đến những nỗ lực trong khuôn khổ Hội nghị La Haye về tư pháp quốc tế. Từ những năm 90 đến những năm 2000, Hội nghị đã có những cố gắng để xây dựng một công ước quốc tế tổng thể về vấn đề thẩm quyền xét xử và công nhận, thi hành các bản án, quyết định dân sự, thương mại của toà án nước ngoài, trong đó có đề cập cả những tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.⁽⁵⁾ Tuy nhiên, nỗ lực này đã không thành công, với kết quả cuối cùng chỉ là một công ước về thoả thuận toà án xét xử riêng biệt được kí vào năm 2005.⁽⁶⁾ Bất đồng về vấn đề sở hữu trí tuệ được coi là một trong những nguyên nhân hạn chế thành công của Hội nghị La Haye trong nỗ lực này.⁽⁷⁾ Tiếp nối công việc của Hội nghị La Haye, một nhóm tác giả chủ yếu từ Hoa Kỳ đã thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu

về vấn đề thẩm quyền liên quan đến sở hữu trí tuệ. Hoạt động của nhóm nghiên cứu này sau đó được tài trợ bởi Viện luật Hoa Kỳ (American Law Institute - ALI). Vào năm 2008, Viện Luật Hoa Kỳ đã công bố tài liệu có tên “Sở hữu trí tuệ: Những nguyên tắc điều chỉnh vấn đề thẩm quyền, lựa chọn pháp luật và công nhận các bản án trong các vụ tranh chấp xuyên biên giới” (sau đây gọi tắt là Những nguyên tắc ALI).⁽⁸⁾

Tại châu Âu, một nhóm nghiên cứu thuộc Viện Max Planck (Đức) mang tên Nhóm nghiên cứu Max Planck châu Âu về xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (Max Planck European Group on Conflicts of Law/Intellectual Property - CLIP) đã cho công bố báo cáo “Xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ: Những nguyên tắc và chú giải” năm 2013 (gọi tắt là Những nguyên tắc CLIP).⁽⁹⁾

Tại châu Á, một nhóm nghiên cứu tại Nhật đã công bố báo cáo với tiêu đề: “Đề xuất minh bạch về vấn đề thẩm quyền, lựa chọn pháp luật, công nhận và thi hành các bản án của toà án nước ngoài trong lĩnh vực

(4). Ngay tại Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), những sáng kiến đầu tiên đã được triển khai từ cuối những năm 1990, đầu những năm 2000. Xem các thông tin về hoạt động của WIPO trong lĩnh vực tư pháp quốc tế và quyền sở hữu trí tuệ tại: http://www.wipo.int/meetings/en/details.jsp?meeting_id=4243, truy cập ngày 01/12/2016.

(5). Rochelle Dreyfuss, “The ALI Principles on Transnational Intellectual Property Disputes: Why Invite Conflicts?”, *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, 2005, pp. 820 - 825.

(6). Convention on Choice of Court Agreements, kí ngày 30/6/2005, có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2015. Xem văn bản và thông tin về Công ước tại: <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=98>, truy cập ngày 01/12/2016.

(7). Toshiyuki Kono, *Intellectual Property and Private International Law (General Report)*, International Academy of Comparative Law, Washington Congress 2010, p. 2.

(8). American Law Institute, *Intellectual Property: Principles Governing Jurisdiction, Choice of Law, and Judgement in Transnational Disputes*, 2008. Xem thêm: R Dreyfuss, *The American Law Institute Project on Intellectual Property: Principles Governing Jurisdiction, Choice of Law and Judgments in Transnational Disputes*, in S Leible, A Ohly (eds), *Intellectual Property and Private International Law* (Tübingen, Mohr, 2009), pp. 5 - 30.

(9). European Max Planck GRP, On conflict of laws in intellectual property, *Conflict of Laws in Intellectual Property: The CLIP principles and Commentary*, 2013. Để có các thông tin cụ thể, xem tại: http://www.clip.eu/_www/en/pub/home.html, truy cập ngày 08/12/2016.

sở hữu trí tuệ - Dự án minh bạch hoá pháp luật Nhật Bản”⁽¹⁰⁾ (gọi tắt là Dự án minh bạch hoá pháp luật Nhật Bản). Cũng tại Nhật Bản, một nhóm nghiên cứu mang tên Waseda Group được hình thành tại Trường đại học Waseda với mục tiêu đưa ra một dự thảo văn bản về thẩm quyền xét xử và luật áp dụng đối với các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, hướng đến áp dụng cho cả khu vực Đông Á. Nhóm Waseda đã có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà nghiên cứu Hàn Quốc. Một bản Các nguyên tắc chung đã được các nhà nghiên cứu hai nước này công bố (gọi tắt là Những nguyên tắc chung Nhật-Hàn).⁽¹¹⁾ Bản báo cáo chung của các nhà nghiên cứu Nhật Bản và Hàn Quốc trên nhiều phương diện đã chịu sự ảnh hưởng của công trình của Viện pháp lý Hoa Kỳ và viện Max Planck của Đức.⁽¹²⁾

Trong khuôn khổ Hiệp hội luật quốc tế (International Law Association – ILA), từ năm 2010 một uỷ ban đặc biệt đã được thành lập có tên gọi Uỷ ban về quyền sở hữu trí tuệ và tư pháp quốc tế. Nhiệm vụ của Uỷ ban là nghiên cứu về hiện trạng khuôn khổ pháp lý

bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi quốc tế, đưa ra một bộ nguyên tắc có tính chỉ dẫn cho các sáng kiến lập pháp ở tầm quốc gia cũng như quốc tế, phục vụ cho giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ xuyên biên giới.⁽¹³⁾

Các nghiên cứu, sáng kiến hay đề xuất nêu trên đều thể hiện một xu hướng mới: nhìn nhận vấn đề sở hữu trí tuệ từ góc độ tư pháp quốc tế. Cụ thể hơn, trong các báo cáo, dự án được công bố, các nhóm nghiên cứu đều đề cập ba nội dung chủ yếu của tư pháp quốc tế trong giải quyết các tranh chấp có tính xuyên biên giới về sở hữu trí tuệ: xác định thẩm quyền xét xử của toà án quốc gia; giải quyết xung đột pháp luật và vấn đề công nhận, bảo đảm thi hành các bản án, quyết định của toà án nước ngoài về lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Trong vấn đề giải quyết xung đột pháp luật đối với các tranh chấp về sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài, các nhóm nghiên cứu đã đều tập trung vào ba vấn đề chủ yếu, bao gồm: *Thứ nhất*, luật áp dụng đối với các tranh chấp về danh nghĩa chủ thể quyền đối với một đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;⁽¹⁴⁾ *thứ hai*, luật áp dụng đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu hay chuyển giao quyền sử dụng đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;⁽¹⁵⁾ *thứ ba*, luật áp dụng đối với việc giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại

(10). Transparency Of Japan Law Project, *Transparency Proposal on Jurisdiction, Choice of Law, Recognition and Enforcement of Foreign Judgements In Intellectual Property*, 2009.

(11). Waseda University Global COE Project, *Commentary on Principles of Private International Law on Intellectual Property Rights*, Joint Proposal Drafted by Members of the Private International Law Association of Korea and Japan, October 2014.

(12). Waseda University Global COE Project, *Commentary on Principles of Private International Law on Intellectual Property Rights*, Joint Proposal Drafted by Members of the Private International Law Association of Korea and Japan, October 2014, p. 113.

(13). Xem thông tin tại: <http://www.ila-hq.org/en/committees/index.cfm/cid/1037>, truy cập ngày 01/12/2016.

(14). Điều 308 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:201 Những nguyên tắc CLIP.

(15). Điều 307 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:501 đến 3:507 Những nguyên tắc CLIP.

ngoài hợp đồng do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ.⁽¹⁶⁾

Một trong những nhiệm vụ và đồng thời là thách thức quan trọng nhất mà các nhóm nghiên cứu, sáng kiến phải giải quyết là nguyên tắc hay tính chất lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ. Nhìn chung, trong nhiều vấn đề, các nhóm nghiên cứu tiếp tục tôn trọng tính lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ bằng việc sử dụng hệ thuộc luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*). Tuy nhiên, trong một số vấn đề, bỏ qua tính chất lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở hữu trí tuệ, một số hệ thuộc mới đã được đề xuất sử dụng, chẳng hạn hệ thuộc luật của nước có mối quan hệ gần bó nhất; luật của nước nơi người nhận quyền hay chuyển quyền cư trú hoặc có trụ sở; luật do các bên thoả thuận...

Hệ thuộc có tính chất nguyên tắc, áp dụng đối với các vấn đề như việc xác lập, tồn tại, hiệu lực, phạm vi hay chấm dứt một quyền sở hữu trí tuệ đều được các nhóm nghiên cứu sử dụng là hệ thuộc luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*).⁽¹⁷⁾ Tuy nhiên, đối với những đối tượng quyền sở hữu trí tuệ mà thủ tục đăng ký bắt buộc, hệ thuộc được sử dụng trong trường hợp này là hệ thuộc luật của nước nơi thủ tục đăng ký được thực hiện.⁽¹⁸⁾

Đối với các giao dịch hợp đồng chuyển

nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ, hệ thuộc luật phổ biến được các nhóm nghiên cứu sử dụng là hệ thuộc luật do các bên tự nguyện thoả thuận.⁽¹⁹⁾ Trong trường hợp các bên không có thoả thuận, luật áp dụng sẽ là luật của nước có mối quan hệ gần bó nhất với hợp đồng.⁽²⁰⁾ Các nhóm nghiên cứu sử dụng nguyên tắc suy đoán về luật có mối quan hệ gần bó nhất với hợp đồng: luật của nước nơi người nhận quyền hoặc nơi người chuyển quyền cư trú hoặc có trụ sở.⁽²¹⁾

Đối với các yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, các bên có quyền thoả thuận về luật áp dụng tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm hoặc sau khi xảy ra hành vi vi phạm,⁽²²⁾ hoặc vào bất kì thời điểm nào.⁽²³⁾ Trong trường hợp các bên không có thoả thuận về luật áp dụng, luật áp dụng cho mỗi hành vi vi phạm là luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*).⁽²⁴⁾ Nếu hành vi xâm hại xảy ra đồng thời tại nhiều nước hoặc trên môi trường internet, luật áp dụng là luật của nước có mối quan hệ gần bó nhất với hành vi xâm

(19). Điều 302, Điều 307 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:501 Những nguyên tắc CLIP; khoản 1 Điều 315 Những nguyên tắc ALI.

(20). Điều 307 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:502 Những nguyên tắc CLIP; khoản 2 Điều 315 Những nguyên tắc ALI.

(21). Khoản 2 Điều 307 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; khoản 2 Điều 3:502 Những nguyên tắc CLIP; khoản 2 Điều 315 Những nguyên tắc ALI.

(22). Điều 304 Dự án minh bạch hoá pháp luật Nhật Bản.

(23). Điều 302 và Điều 304 Những nguyên tắc chung Nhật-Hàn; Điều 3:501 và Điều 3:606 Những nguyên tắc CLIP; Điều 302 Những nguyên tắc ALI.

(24). Điều 3:601 Những nguyên tắc CLIP.

(16). Các điều 304, 305, 306 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:601 đến 3:606 Những nguyên tắc CLIP.

(17). Khoản 1 Điều 301, Điều 308 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:101, 3:201 Những nguyên tắc CLIP; Điều 301 Những nguyên tắc ALI.

(18). Khoản 2 Điều 301 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 311 Những nguyên tắc ALI.

hại.⁽²⁵⁾ Luật của nước mà bên có hành vi xâm hại có nơi cư trú hoặc có trụ sở kinh doanh được coi là luật có mối liên hệ gần bó nhất; luật của nước nơi hành vi xâm hại chính xuất hiện hoặc nơi hậu quả chính xảy ra cũng được coi là luật có mối quan hệ gần bó nhất; luật của nước nơi chủ sở hữu của đối tượng quyền bị xâm hại có những lợi ích chính cũng được coi là luật có mối quan hệ gần bó nhất.

1.2. Thay đổi trong quy định pháp luật về xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Từ nhận thức phổ biến về tính chất lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở hữu trí tuệ, trong thời gian dài, các văn kiện pháp lý quốc tế cũng như quốc gia đã không nhìn nhận vấn đề sở hữu trí tuệ từ góc độ xung đột pháp luật. Trong những điều ước quốc tế căn bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, một số rất ít quy định có thể được nhìn nhận như các quy định đề cập vấn đề xung đột pháp luật. Chẳng hạn, khoản 1 Điều 5 Công ước Berne năm 1886 về bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, đa số các học giả lại cho rằng khoản 1 Điều 5 Công ước Berne chỉ một điều khoản ngăn cấm các quốc gia có sự phân biệt đối xử giữa tác phẩm nước ngoài và tác phẩm trong nước một khi chúng cùng đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ của nước sở tại.⁽²⁶⁾ Tòa phúc thẩm Second Circuit của Hoa Kỳ

đưa ra nhận định về khoản 1 Điều 5 Công ước Berne như sau: “Nguyên tắc đối xử quốc gia thực sự không phải là một quy phạm xung đột; nó không dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật của bất kỳ nước nào. Nó chỉ đòi hỏi rằng quốc gia nơi mà việc bảo hộ được yêu cầu phải đối xử các tác giả nước ngoài giống như đối xử với các tác giả trong nước”.⁽²⁷⁾ Quan điểm này của tòa án Hoa Kỳ cũng giống quan điểm được thể hiện bởi Tòa án công lý châu Âu (ECJ): “như được thể hiện ở Điều 5(1) của Công ước Berne, mục đích của công ước này không phải là để xác định pháp luật áp dụng”.⁽²⁸⁾

Ở châu Âu, từ những năm 80 của thế kỷ XX, bắt đầu xuất hiện những quy định về giải quyết xung đột pháp luật đầu tiên trong văn bản chuyên biệt về tư pháp quốc tế của một số nước.⁽²⁹⁾ Kể từ những năm 2000, vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ được đề cập phổ biến hơn, chi tiết hơn trong các đạo luật về tư pháp quốc tế của nhiều nước châu Âu.⁽³⁰⁾

Một sự chuyển mình mang tính khu vực được thể hiện trong Quy định của Liên minh

(25). Điều 306 Những nguyên tắc chung Nhật - Hàn; Điều 3:606 Những nguyên tắc CLIP; Điều 321 Những nguyên tắc ALI.

(26). Marketa Trimble, “Advancing national intellectual property policies in a transnational context”, *Mariland Law review*, Vol.74, 2015, p. 229.

(27). *Itar-Tass Russian News Agency v. Russian Kurier, Inc.*, 153 F.3d 82, 89 n.8 (2d Cir. 1998).

(28). Case C-28/04, *Tod's SpA v. Heyraud SA*, 2005 E.C.R. I-05781.

(29). Điều 34 Luật ngày 15/6/1978 của Áo; Điều 110 Luật về tư pháp quốc tế ngày 18/12/1987 của Thụy Sĩ; Điều 54 Luật ngày 31/5/1995 của Ý.

(30). Ví dụ: Điều 23 Luật tư pháp quốc tế của Estonia năm 2002; Điều 93, Điều 94 Luật tư pháp quốc tế của Bỉ năm 2004; các điều 71, 72, 73 Bộ luật tư pháp quốc tế của Bulgaria năm 2005; Điều 110 Luật tư pháp quốc tế của Thụy Sĩ, sửa đổi năm 2007; Điều 46, Điều 47 Luật tư pháp quốc tế của Ba Lan năm 2011...

châu Âu về luật áp dụng đối với các quan hệ nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng (Regulation Rome II).⁽³¹⁾ Điều 8 của Regulation Rome II quy định nguyên tắc riêng cho việc xác định pháp luật áp dụng đối với việc bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ.⁽³²⁾ Nội dung chủ yếu của Điều 8 là quy định luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (lex loci protectionis) là luật áp dụng. Khoản 1 Điều 8 Regulation Rome II quy định: “*Luật áp dụng đối với trách nhiệm ngoài hợp đồng phát sinh từ hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ là luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ*”.⁽³³⁾ Quy định của Regulation Rome II được coi là giải pháp an toàn khi tôn trọng quan niệm truyền thống về tính chất lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, quy định này gặp phải một số chỉ trích nhất định. Thứ nhất, mặc dù có quy định về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhưng về thực chất, Regulation Rome II không có bước tiến nào quan trọng.⁽³⁴⁾ Thứ hai, trong trường hợp đối với những hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường internet hoặc hành vi xâm hại đồng thời xảy ra tại nhiều quốc gia khác nhau (như trường hợp phân phối sản

phẩm xâm hại tên thương mại hay nhãn hiệu) nếu áp dụng quy định quy định tại khoản 1 Điều 8 Regulation Rome II sẽ dẫn đến việc không thể xác định được luật nào sẽ áp dụng hoặc sẽ áp dụng đồng thời luật của nhiều nước tương ứng với số nước nơi có hành vi xâm hại sở hữu trí tuệ hiện hữu.⁽³⁵⁾ Thứ ba, điểm lùi đáng kể của Regulation Rome II so với phát triển học thuyết là quy định các bên không có quyền lựa chọn luật áp dụng trong vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.⁽³⁶⁾ Quy định hạn chế quyền lựa chọn luật áp dụng của các bên theo Regulation Rome II bị chỉ trích bởi nhiều học giả.⁽³⁷⁾ Trên thực tế, cho đến thời điểm thập niên đầu của thế kỉ XXI nhiều nước đã cho phép các bên lựa chọn pháp luật (có thể có những hạn chế nhất định) để áp dụng trong quan hệ bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ gây ra. Ngay tại các nước thành viên của Liên minh châu Âu, một số nước có phương án như Regulation Rome II (ví dụ: Đức),⁽³⁸⁾ trong khi đó một số nước lại thừa nhận quyền lựa chọn luật áp dụng của các bên trong quan hệ bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ.⁽³⁹⁾ Cuối cùng, bản thân Regulation

(31). Annette Kur, “Applicable Law: An Alternative Proposal for International Regulation – The Max-Planck Project on International Jurisdiction and Choice of Law”, *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, 2005, p. 960.

(32). Regulation (EC) no 864/2007 of the European Parliament and of the Council of 11 July 2007 on the law applicable to non-contractual obligations (Rome II), L 199/40 Official Journal, 31 July 2007.

(33). Xem thêm Recital 26 của Regulation Rome II.

(34). Annette Kur, *ltd.*

(35). Th.C.J.A. Van Engelen, “Jurisdiction and Applicable Law in Matters of Intellectual Property”, vol. 14.3, *Electronic Journal of Comparative Law*, (December 2010), nguồn: <http://www.ejcl.org/143/art143-19.pdf>, p. 16 - 17.

(36). Xem khoản 3 Điều 8 Regulation Rome II.

(37). Annette Kur, *ltd.*

(38). Chẳng hạn tại Đức, xem án lệ Supreme Court decision of 17 June 1992 - I ZR 182/90 - Alf. 24 IIC 539 (1993); Supreme Court decision of 02 October 1997 - I ZR 88/95 - Spielbankaffaire, MMR 35 (1998).

(39). Chẳng hạn Điều 104(2) Luật tư pháp quốc tế của Bỉ.

Rome II chỉ áp dụng cho vấn đề trách nhiệm ngoài hợp đồng. Nhìn từ góc độ này, phương án của Liên minh châu Âu sẽ thiếu tính đồng bộ, bởi không giải quyết vấn đề xung đột pháp luật về xác lập quyền sở hữu trí tuệ, cũng như về chuyển giao quyền sử dụng hay chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ.

Liên quan đến khía cạnh hợp đồng của các giao dịch về quyền sở hữu trí tuệ, Quy định của Liên minh châu Âu về quan hệ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng (Regulation Rome I)⁽⁴⁰⁾ có giá trị áp dụng, thay thế cho Công ước Rome năm 1980 về pháp luật áp dụng cho quan hệ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.⁽⁴¹⁾ Khác với Regulation Rome II, Regulation Rome I không có quy định riêng biệt về vấn đề sở hữu trí tuệ. Nguyên tắc chung xác định pháp luật áp dụng cho các quan hệ hợp đồng được quy định tại Điều 3 của Regulation Rome I: Hợp đồng sẽ được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn. Trong trường hợp các bên không lựa chọn, luật áp dụng là luật của nước có mối liên hệ mật thiết nhất với hợp đồng. Như vậy, so với pháp luật của một số nước thành viên hay của nhiều nước khác, đặc biệt là so với sự phát triển của học thuyết, sự thiếu vắng quy định của Liên minh châu Âu trong Regulation Rome I một lần nữa có thể coi là một sự chậm trễ.

Tại khu vực châu Á, Hàn Quốc là nước

đi đầu trong việc ban hành đạo luật chuyên biệt về tư pháp quốc tế.⁽⁴²⁾ Trong Luật về tư pháp quốc tế của Hàn Quốc, chỉ có duy nhất Điều 24 thuộc Chương 4 về các vật quyền (quyền đối vật – rights in rem) là quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, với tên gọi là Bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ. Theo đó, việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo pháp luật của nước nơi các quyền đó bị xâm hại (lex loci delicti commissi).⁽⁴³⁾ Tại Nhật Bản, mặc dù có sự phát triển mạnh mẽ của học thuyết, tuy nhiên luật thực định thành văn lại chưa nhìn nhận vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Luật về luật áp dụng mới nhất của Nhật Bản được thông qua năm 2006 đã không có quy định riêng biệt nào về vấn đề sở hữu trí tuệ.⁽⁴⁴⁾ Tuy nhiên, theo án lệ của Tòa án tối cao Nhật Bản, tính lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ không ngăn cản hiện tượng xung đột pháp luật trong lĩnh vực này. Theo Tòa án, vấn đề bồi thường thiệt hại quyền sở hữu trí tuệ sẽ được giải quyết bởi luật của nước nơi xảy ra hành vi xâm hại (lex loci delicti commissi).⁽⁴⁵⁾

Gần đây hơn, Luật về pháp luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài năm 2010 của Trung Quốc quy định

(40). Regulation (EC) No 593/2009 of the European Parliament and of the Council of 17 June 2008 on the law applicable to contractual obligations (Rome I Regulation), [2008] OJL 177/6.

(41). 1980 Convention on the Law Applicable to Contractual Obligations (OJ C 334, 30 December 2005, p. 1).

(42). Luật về tư pháp quốc tế của Hàn Quốc - Private International Law Act (Gukjesabeop), Law No. 6465 of 7 April 2001.

(43). Điều 24 Luật về tư pháp quốc tế của Hàn Quốc.

(44). The Act on General Rules for Application of Laws, Act No. 78 of June 21, 2006.

(45). Xem thêm: Toshiyuki Kono, "Intellectual Property Rights, Conflict of Laws and International Jurisdiction: Applicability of ALI Principles in Japan?", *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, Issue 3, 2005, p. 876.

về vấn đề sở hữu trí tuệ tại chương VII, bao gồm 3 điều (từ Điều 48 đến Điều 50).⁽⁴⁶⁾ Theo quy định của Điều 48, các vấn đề về xác lập quyền, nội dung của quyền sở hữu trí tuệ được xác định bởi luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex protectionis*). Điều 49 quy định các bên trong hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ được quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng. Trong trường hợp các bên không lựa chọn, việc xác định pháp luật áp dụng cho hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ tuân theo các quy định về xác định pháp luật đối với các hợp đồng nói chung. Điều 50 quy định về nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng đối với việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Theo quy định này, Trung Quốc sử dụng hệ thuộc *lex loci protectionis*.⁽⁴⁷⁾ Điều 50 của Luật pháp luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc cũng quy định các bên có quyền thoả thuận luật của quốc gia có toà án (*lex fori*) để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ sau khi sự kiện xâm hại quyền phát sinh.

Như vậy, có thể nhận thấy một xu hướng rõ rệt trong quy định pháp luật các nước là thừa nhận và giải quyết vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. So

với sự phát triển của học thuyết thì sự thay đổi pháp luật thực định của các nước diễn ra không đồng đều về thời gian, không đồng nhất về nội dung và đi chậm hơn. Một xu hướng nữa có thể thấy rõ là những nước pháp điển hoá hay thay đổi văn bản pháp luật về tư pháp quốc tế càng gần đây thì càng có xu hướng quy định chi tiết hơn về vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Trường hợp của Trung Quốc ở châu Á và Vương quốc Bỉ ở châu Âu là ví dụ. Gần đây, trường hợp của Việt Nam cũng là một ví dụ bổ sung cho nhận định này.

2. Nhìn nhận các quy định mới về sở hữu trí tuệ tại Phần 5 của Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 trước xu hướng quốc tế hiện nay

2.1. Thay đổi của Phần 5 Bộ luật dân sự 2015 so với Phần 7 Bộ luật dân sự năm 2005 về lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Tại Việt Nam, đã từ lâu trong giới học thuật thống nhất về tính chất lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời coi đó là lí do dẫn đến việc không có xung đột pháp luật trong lĩnh vực này.⁽⁴⁸⁾

Về mặt luật thực định, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 có quy định tại Điều 2 là đối tượng áp dụng của Luật bao gồm cả “tổ

(46). Luật về pháp luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, được thông qua ngày 28/10/2010, có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2011.

(47). Xem thêm Điều 110 Luật tư pháp quốc tế của Thụy Sĩ.

(48). Ví dụ, xem: Nguyễn Bá Diễn (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội, 2014, tr. 184 - 185, 202 - 203; Bùi Xuân Nhựt (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, 2006, tr. 193 - 195, 214 - 215; Nguyễn Trung Tín (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Đại học Huế, Nxb. Công an nhân dân, 2012, tr. 182; Lê Hồng Hạnh, Đinh Thị Mai Phương (chủ biên), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, tr. 30.

chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài” nhưng Luật đã không có quy định về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Điều này khá khác biệt so với nhiều đạo luật trong lĩnh vực dân sự, thương mại đều có điều khoản riêng về lựa chọn luật áp dụng. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 5 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp có những vấn đề dân sự liên quan đến sở hữu trí tuệ không được quy định trong Luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự*”.

Tại Phần 7 của Bộ luật dân sự năm 2005 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, có ba điều khoản liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, bao gồm: Điều 774 (Quyền tác giả có yếu tố nước ngoài), Điều 775 (Quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng có yếu tố nước ngoài), Điều 776 (Chuyển giao công nghệ có yếu tố nước ngoài). Điều 774 và Điều 775 chỉ quy định nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho người nước ngoài và pháp nhân nước ngoài tại Việt Nam, không giải quyết vấn đề lựa chọn pháp luật áp dụng. Điều 776 có đề cập việc áp dụng pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật nước ngoài, tuy nhiên cũng không đưa ra nguyên tắc lựa chọn pháp luật, giải quyết xung đột pháp luật. Chính vì lý do này, cả ba điều khoản trên của Bộ luật dân sự năm 2005 đã được đưa khỏi Phần 5 của Bộ luật dân sự năm 2015 về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.⁽⁴⁹⁾

Thay thế cho 3 điều khoản cũ bị loại bỏ, Phần 5 Bộ luật dân sự năm 2015 đã có 2 quy định mới, chuyên biệt về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Thứ nhất, Điều 679 Bộ luật quy định: “*Quyền sở hữu trí tuệ được xác định theo pháp luật của nước nơi đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ*”. Thứ hai, Điều 683 về giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng (áp dụng chung cho cả các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ) quy định: “*Các bên trong quan hệ hợp đồng được quyền thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng đó được áp dụng*”. Khoản 2 Điều 683 quy định về nguyên tắc suy đoán pháp luật có mối liên hệ gần bó nhất đối với hợp đồng. Điểm c khoản 2 Điều 683 quy định pháp luật được coi là có mối quan hệ gần bó nhất với hợp đồng là “*pháp luật của nước nơi người nhận quyền cư trú nếu là cá*

*ánh được bản chất của Phần 7 là chỉ quy định về vấn đề xung đột pháp luật (xác định pháp luật nào được áp dụng) trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài trong khi các Phần khác của BLDS năm 2005 quy định về pháp luật nội dung (pháp luật thực chất)”. Việc Phần 5 Bộ luật dân sự năm 2005 có tên gọi “Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài” là nhằm “thể hiện rõ đặc thù riêng của Phần này chỉ đưa ra các quy phạm xung đột điều chỉnh việc áp dụng pháp luật đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài”. Xem: Bộ tư pháp, *Bản thuyết minh Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)*, nguồn: http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DU_THAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=588, truy cập ngày 01/12/2016.*

(49). Theo bản Thuyết minh về Bộ luật dân sự năm 2015, tên gọi “Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài” của Phần 7 Bộ luật dân sự năm 2005 “không phản

nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ”.

Khoản 3 Điều 683 quy định trong trường hợp nếu chứng minh được pháp luật của nước khác với pháp luật quy định tại khoản 2 có mối liên hệ gần bó hơn với hợp đồng thì pháp luật được áp dụng là pháp luật của nước đó. Khoản 4 quy định về hợp đồng có đối tượng là bất động sản. Khoản 5 quy định về ngoại lệ đối với hợp đồng lao động cá nhân và hợp đồng với người tiêu dùng. Khoản 6 quy định về quyền của các bên thỏa thuận thay đổi luật áp dụng cho hợp đồng, ngoại trừ đối với những thay đổi ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.

2.2. Những nhận định ban đầu đối với các quy định về sở hữu tại Phần 5 Bộ luật dân sự năm 2015 trong tương quan với xu hướng quốc tế hiện nay

Như vậy, với các quy định mới tại Điều 679 và Điều 683, có thể khẳng định Bộ luật dân sự năm 2015 đã thừa nhận quan điểm có xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Đây có thể được coi là một trong những điểm mới, bắt nhịp với xu thế của khu vực và quốc tế của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về mặt phạm vi vấn đề được đề cập, có thể coi quy định tại Điều 679 là quy định chung về quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm cả các vấn đề về việc xác lập quyền, phạm vi, nội dung và thời hạn của quyền. Tuy nhiên, Điều 679 còn quá ngắn gọn, có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Chẳng hạn, Điều 679 có thể được diễn giải để áp dụng giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do hành vi xâm hại

quyền sở hữu trí tuệ hay không, hay đối với vấn đề này quy định chung về giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Điều 687 phải được áp dụng? Khác với giải pháp trong quy định của nhiều nước, Điều 679 Bộ luật dân sự năm 2015 không có sự phân biệt giữa luật nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*) và luật nơi tiến hành thủ tục đăng ký đối với những đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đòi hỏi phải đăng ký.

So với quan niệm phổ biến hiện nay về xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và thực tiễn pháp luật các nước, Bộ luật dân sự năm 2015 đã đề cập giải quyết xung đột pháp luật về sở hữu trí tuệ theo nguyên tắc chung và giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, mà chưa có quy định riêng biệt về giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ gây ra. Thực tế cho thấy đây chính là lĩnh vực cần có quy định hơn cả nhưng cũng khó khăn và dễ gây tranh cãi hơn cả.

Trong trường hợp nếu có một yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài thì toà án Việt Nam sẽ đứng trước sự lựa chọn sau:

Thứ nhất, áp dụng Điều 769 về giải quyết xung đột pháp luật đối với quyền sở hữu trí tuệ nói chung. Trong trường hợp này, hệ thuộc luật nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*) là một sự an toàn, tiếp tục quan niệm truyền thống về tính lãnh thổ của

quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với các quy định của nhiều điều ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hiện đang có hiệu lực.⁽⁵⁰⁾ Tuy nhiên, lựa chọn này có thể dẫn đến sự bế tắc trong xác định pháp luật áp dụng, chẳng hạn trường hợp hành vi xâm phạm quyền được thực hiện trên môi trường internet hay không thể xác định được vị trí của hành vi xâm hại.

Thứ hai, áp dụng Điều 687 về xác định pháp luật áp dụng trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung. Theo đó, kể cả với hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, việc bồi thường thiệt hại sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật do các bên lựa chọn. Trường hợp nếu các bên không lựa chọn, pháp luật áp dụng là pháp luật của nước nơi phát sinh hậu quả của hành vi xâm hại được áp dụng.⁽⁵¹⁾ Giả thiết về trường hợp hậu quả của hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ phát sinh tại nhiều nơi (như trường hợp xâm hại bản quyền trên internet hay xâm hại nhãn hiệu bằng việc phân phối sản phẩm mang yếu tố xâm hại đồng thời tại nhiều nước), logic của Điều 687 là sẽ áp dụng đồng thời pháp luật của nhiều nước để xác định bồi thường thiệt hại cho mỗi hành vi xâm hại ở nước nơi hành vi đó xảy ra. Trong cả hai giả thiết nêu trên, việc áp dụng Điều 687 dẫn đến từ bỏ hoàn toàn quan niệm về tính chất lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở

hữu trí tuệ, thậm chí loại trừ sử dụng hệ thuộc pháp luật nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*).

Đối với vấn đề giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, giải pháp quy định ở Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2015 là rõ ràng, cụ thể hơn nhiều. Theo logic của Điều 683, quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng và chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ được ghi nhận mang tính nguyên tắc ở khoản 1 Điều 683. Nếu các bên không có sự thoả thuận, luật áp dụng sẽ là luật của nước nơi người nhận quyền cư trú nếu là cá nhân hoặc có trụ sở nếu là pháp nhân. Như vậy, trong cả hai giả thiết, Điều 683 đều không sử dụng hệ thuộc truyền thống luật của nước nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*), trừ trường hợp chứng minh được có luật khác gắn bó mật thiết hơn so với hợp đồng. Luật giả định trong trường hợp cuối này có thể là luật nơi có yêu cầu bảo hộ, luật nơi thủ tục đăng kí được thực hiện, luật nơi cư trú, nơi có trụ sở của người chuyển giao quyền... Quyền tự do thoả thuận về luật áp dụng của các bên theo quy định tại khoản 3 Điều 683 tuy nhiên bị điều kiện hoá bởi việc tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.⁽⁵²⁾ Quyền thoả thuận của các bên về luật áp dụng đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ cũng bị điều kiện hoá nếu hợp đồng được kí kết với

(50). Chẳng hạn khoản 2 Điều 5 Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật năm 1971 quy định: "... mức độ bảo hộ cũng như các biện pháp khiến nại đảm bảo cho tác giả để bảo vệ quyền lợi của mình sẽ chỉ được điều chỉnh bởi luật của nước nơi sự bảo hộ được áp dụng".

(51). Khoản 1 Điều 687 Bộ luật dân sự năm 2015.

(52). Khoản 3 Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2015.

một bên là người lao động.⁽⁵³⁾

Từ nhận thức truyền thống về tính chất lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở hữu trí tuệ, đứng trước nhu cầu thương mại hoá việc khai thác các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, với sự bùng nổ của mạng internet, thập kỉ cuối của thế kỉ XX đã chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ của học thuyết và pháp luật thực định của các nước về vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Mặc dù sự chuyển mình này là không đều nhưng có thể thấy rõ xu hướng chung thừa nhận hiện tượng xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Việc giải quyết các xung đột pháp luật này về bản chất là nhìn nhận vấn đề sở hữu trí tuệ trong không gian xuyên biên giới, thậm chí toàn cầu, có thể dẫn đến việc từ bỏ quan niệm truyền thống về tính lãnh thổ tuyệt đối của quyền sở hữu trí tuệ. Trong ba vấn đề có thể nảy sinh xung đột pháp luật (việc xác lập quyền ban đầu, nội dung, hiệu lực của quyền; hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng và chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ; bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ) thì vấn đề thứ nhất dường như đạt được sự thống nhất hơn trong học thuyết và luật thực định các nước, với việc áp dụng hệ thuộc luật nơi có yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*). Vấn đề xung đột pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng và chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ cũng có sự thống nhất tương đối, bằng việc thừa nhận phổ biến quyền của các bên trong việc lựa chọn pháp luật áp dụng và hệ thuộc luật có

mối liên hệ gắn bó nhất trong trường hợp các bên không có sự lựa chọn. Vấn đề thứ ba, xung đột pháp luật trong bồi thường thiệt hại phát sinh từ hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ là vấn đề có ít sự thống nhất hơn cả, trong học thuyết và luật thực định. Về phương diện luật thực định, pháp luật nhiều nước bỏ qua vấn đề này hoặc chưa giải quyết triệt để các trường hợp có thể phát sinh hoặc vẫn trung thành với hệ thuộc *lex protectionis* và do vậy có thể dẫn đến khó khăn, bế tắc khi giải quyết trường hợp hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ đồng thời xảy ra tại nhiều nước hay xảy ra trên không gian mạng toàn cầu.

Có thể thấy hai quy định mới của Bộ luật dân sự năm 2015 là bước tiến quan trọng của Bộ luật so với xu hướng phát triển của tư pháp quốc tế các nước trong khu vực và quốc tế về vấn đề xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Xét trên phương diện nào đó, hai quy định này của Bộ luật dân sự năm 2015 còn đi trước cả sự phát triển của học thuyết trong nước nhưng cũng đi trước pháp luật thực định của nhiều nước khác. Giống nhiều nước của khu vực và thế giới, Bộ luật dân sự năm 2015 của Việt Nam còn chưa có quy định riêng biệt về giải quyết xung đột pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Điều này dẫn đến trường hợp khi có yêu cầu đòi bồi thường cụ thể, toà án Việt Nam hoặc phải áp dụng Điều 769 về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung hoặc áp dụng Điều 687 về giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Cả hai khả năng này đều

(53). Khoản 5 Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2015.

dẫn đến những khó khăn, bất cập. Đây có lẽ chính là một trong những điểm cần có sự giải thích, chi tiết hoá của Bộ luật dân sự năm 2015 trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. American Law Institute, *Intellectual Property: Principles Governing Jurisdiction, Choice of Law, and Judgment in Transnational Disputes*, 2008.
2. Annette Kur, "Applicable Law: An Alternative Proposal for International Regulation — The Max-Planck Project on International Jurisdiction and Choice of Law", *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, 2005.
3. Nguyễn Bá Diên (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội, 2014.
4. Jürgen Basedow, *Foundations of Private International Law in Intellectual Property*, nguồn: http://www.law.kyushu-u.ac.jp/~tomeika/chizai/symposium/paper/001_08_May09_Basedow.pdf
5. Marketa Trimble, "Advancing national intellectual property policies in a transnational context", *Mariland Law review*, Vol.74, 2015.
6. Lê Hồng Hạnh, Đinh Thị Mai Phương (chủ biên), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004.
7. Bùi Xuân Nhựt (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, 2006.
8. R. Dreyfuss, *The American Law Institute Project on Intellectual Property: Principles Governing Jurisdiction, Choice of Law and Judgments in Transnational Disputes*, in S Leible, A Ohly (eds), *Intellectual Property and Private International Law* (Tübingen, Mohr, 2009).
9. Rochelle Dreyfuss, "The ALI Principles on Transnational Intellectual Property Disputes: Why Invite Conflicts?", *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, 2005.
10. Th.C.J.A. Van Engelen, "Jurisdiction and Applicable Law in Matters of Intellectual Property", vol. 14.3, *Electronic Journal of Comparative Law*, (December 2010), nguồn: <http://www.ejcl.org/143/art143-19.pdf>
11. Nguyễn Trung Tín (chủ biên), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Đại học Huế, Nxb. Công an nhân dân, 2012.
12. Toshiyuki Kono, "Intellectual Property Rights, Conflict of Laws and International Jurisdiction: Applicability of ALI Principles in Japan?", *Brooklyn Journal of International Law*, Vol. 30, Issue 3, 2005.
13. Toshiyuki Kono, *Intellectual Property and Private International Law (General Report)*, International Academy of Comparative Law, Washington Congress 2010.
14. Waseda University Global COE Project, *Commentary on Principles of Private International Law on Intellectual Property Rights*, Joint Proposal Drafted by Members of the Private International Law Association of Korea and Japan, October 2014.